

THÁP CHĂM YANG PRONG VÀ HIỆN TƯỢNG XÂM THỰC VĂN HÓA

TRẦN ĐỨC NGÔN

Tóm tắt

Tháp Yang Prong được người Chăm xây dựng ở Đắk Lắk từ thế kỷ XVIII. Sau đó người Chăm vắng bóng trên mảnh đất này. Hiện tượng được gọi là “xâm thực văn hóa” bắt đầu. Cư dân địa phương (người Mnông, Ê Đê, phần đông là Gia Rai, gần đây là người Kinh) đặt niềm tin và hành lễ tại tháp theo kiểu riêng của mình. Bản chất tín ngưỡng Chăm hầu như không còn nữa. Sự xâm thực văn hóa có cả mặt tích cực và tiêu cực. Cần phát huy mặt tích cực để duy trì “sự sống” của tháp.

Tháp Yang Prong là di tích kiến trúc tôn giáo của người Chăm. Sự hiện diện của tháp Chăm trên cao nguyên Đắk Lắk gợi ra cho các nhà nghiên cứu lịch sử, dân tộc học, khảo cổ học những kiến giải khác nhau. Tại tháp Yang Prong, nhiều năm trở lại đây, đang diễn ra một hiện tượng, gọi là *sự xâm thực văn hóa*. Quá trình này đang diễn ra một cách tự nhiên và chậm chạp.

1. Giới thiệu về tháp Yang Prong

Tháp Yang Prong hiện tọa lạc trong một cánh rừng thưa, gồm những cây cổ thụ (cây săng lê), thuộc địa phận xã Ea Rok, huyện Ea Sup, tỉnh Đắk Lắk. Nhìn trên bản đồ, tháp nằm ở phía tây tỉnh Đắk Lắk, gần biên giới Việt Nam – Campuchia. Cánh rừng thưa, nơi tọa lạc của tháp, nằm trải dài bên bờ sông Ea Hleo, quanh năm đầy nước, tạo nên một khung cảnh thiên nhiên đẹp đẽ, thoáng đãng, màu xanh cây lá quanh tháp phủ dày suốt bốn mùa.

Tháp cao 9m, hình búp hoa, nền hình vuông, mỗi chiều 5m, được xây bằng gạch nung đỏ, không có mạch vữa, chỉ có một cửa ra vào duy nhất ở mặt phía đông (phía mặt trời mọc), ba mặt còn lại là cửa giả. Cửa ra vào rộng 1,06m, trên có phiến đá làm lanh tồ. Xung quanh tháp được lát bằng gạch và đá xanh. Trong tháp không trang trí gì và không có tượng thờ.

Căn cứ vào tài liệu khảo cổ học, tháp được xây dựng vào khoảng cuối thế kỷ thứ XIII, tương ứng với triều đại vua Chăm lúc đó là Jaya Sinhavarman III, tương

ứng với triều đại nhà Trần của nước Đại Việt ở phía bắc. Tháp Chăm đương nhiên do người Chăm xây dựng, nhưng về những sự kiện lịch sử gắn với việc xây dựng tháp thì đang còn tồn tại các giả thuyết khác nhau.

Sau đây, chúng tôi nêu các giả thuyết được đề cập tới trong hồ sơ di tích của Bảo tàng tỉnh Đắk Lắk được soạn thảo vào năm 1990:

- Cuộc chiến tranh giữa Chiêm Thành và Chân Lạp đã diễn ra vào khoảng nửa đầu thế kỷ XII với những cuộc giao tranh ác liệt. Cuộc chiến tranh mở rộng lên vùng rừng núi Tây Nguyên. Người Chăm đã chiến thắng và thống trị vùng đất Tây Nguyên. Sự có mặt của người Chăm ở Tây Nguyên là hệ quả của cuộc chiến tranh này và họ đã xây dựng nên tháp Yang Prong.

- Vào cuối thế kỷ XIII, quân Nguyên-Mông xâm lược Chiêm Thành, người Chăm phải di tản lên vùng rừng núi phía tây, trong đó có Tây Nguyên để lánh nạn.

- Do giao lưu kinh tế (trao đổi sản vật giữa đồng bằng và Tây Nguyên) diễn ra từ thế kỷ thứ V, người Chăm di cư tự nhiên đến Tây Nguyên.

Sự có mặt của người Chăm ở Tây Nguyên được minh chứng không chỉ bởi tháp Yang Prong mà còn bởi một số phế tích khác trong các lưu vực sông Sê San và sông Ba.

Hiện nay, không có người Chăm ở Tây Nguyên. Sự biến mất của người Chăm ở đây đang là một điều khó hiểu, khiến các nhà chuyên môn chỉ có thể nêu giả thuyết mà thôi. Theo hồ sơ di tích của Bảo tàng tỉnh Đắk Lắk, có ba giả thuyết được đặt ra:

- Người Chăm không hòa hợp được với cư dân Tây Nguyên (có thể họ luôn bị coi là những kẻ xâm lược).

- Khí hậu và các điều kiện canh tác vùng núi không phù hợp với người Chăm là cư dân ven biển.

- Các cuộc chiến tranh phong kiến làm cho Tây Nguyên không còn là nơi cư trú an toàn.

Trong tình trạng thiếu chủ nhân văn hóa, tháp Yang Prong đã trở thành phế tích. Và ở đây, hiện tượng xâm thực văn hóa đã diễn ra.

2. Quá trình xâm thực văn hóa

Cư dân bản địa quanh vùng tháp, phần đông là người Gia rai, sau đó là Ê đê và một số ít là Mnông. Họ đều gọi tháp bằng cụm từ Yang Prong tức Thần Lớn (tiếng Ê Đê: Yang nghĩa là thần; Prong nghĩa là lớn). Trong hàm nghĩa này, có lẽ là thờ vị thần tối cao. Người Chăm thường thờ thần Shiva trong các tháp của mình và coi đó là vị thần tối cao. Theo Ấn Độ giáo, Shiva hợp với Brahma và Vishnu trong bộ tam thần tối cao, tượng trưng cho quyền lực vô biên. Cũng có giả thuyết cho rằng, tháp được xây dựng bởi nhà vua Chăm Pa lúc đó là Jaya Sinhavarman III (tức Chế Mân, chồng của công chúa Huyền Trân) và cụm từ Thần Lớn gắn với tên tuổi của ông (2, tr. 27). Tuy nhiên, người dân bản địa sau này không hề biết đến tên các vị thần trong tín ngưỡng của người Chăm Pa và tên tuổi của vua Jaya Sinhavarman III. Họ chỉ biết đây là thần lớn, linh thiêng, cần được thờ phụng. Vì thế có sự sai lạc trong cách hiểu về vị thần được thờ ở tháp và họ đã dựng nên truyền thuyết về vị thần này như sau:

Có hai vợ chồng nhà kia. Người vợ đến kỳ sinh nở. Người chồng chạy đi tìm bà đỡ. Khi bà đỡ bắt tay vào việc thì bỗng nhiên trên không trung xuất hiện một cánh diều. Tiếng sáo diều réo rắt, véo von làm chim rừng thoi hót, cây thoi xào xạc. Bà đỡ quên bẵng công việc đang làm để nghe tiếng sáo diều. Vì thế em bé không chào đời và người mẹ trẻ cũng chết. Người chồng cũng mãi nghe tiếng sáo, giật mình nhìn lại, thấy cảnh tượng hãi hùng, liền cầm gươm chém đứt đầu bà đỡ. Ba người đều chết oan, hóa đá. Dân trong vùng gọi hai mẹ con sản phụ là Yang Prong. Câu chuyện xảy ra ở chỗ tháp Chăm bây giờ. Dân trong vùng đều đến cúng Yang Prong, rượu cúng chảy thành suối. Ở xã Ea Rok bây giờ vẫn còn một cái ao, gọi là ao đổ bã rượu. (1, tr. 1-2)

Cũng có thể truyền thuyết này gắn với một ngôi đền thờ khác gần tháp nhưng đã bị phá huỷ hoàn toàn và chuyển thành lời giải thích về sự sinh tồn của tháp Yang Prong.

Như vậy, năm tháng trôi đi, khi chủ nhân văn hóa của tháp Chăm không còn nữa, tín ngưỡng bản địa đã xâm nhập vào di tích này như là một hiện tượng tự nhiên và tất yếu. Có một điểm chung giữa người Chăm khi xưa và người bản địa sau này là tính thiêng của tháp (tức tính thiêng của vị thần, linh hồn của tháp). Vì sự linh thiêng, vị thần trong tháp được tôn sùng. Đây là một hằng số không đổi giữa các tín ngưỡng khác nhau (không kể tín ngưỡng đa thần hay nhất thần). Trong trường hợp này, sự linh thiêng chỉ là biểu hiện bên ngoài. Cái gốc của sự linh thiêng (vị thần chủ được thờ) đã bị biến đổi bởi người dân bản địa. Với tín ngưỡng đa thần, người dân bản địa đã sáng tạo ra một nội dung mới (nguồn gốc vị thần) trong một hình thức cũ (tháp Chăm). Đó là sự thay thế tự nhiên, hậu quả của sự biến mất chủ nhân văn hóa và tín ngưỡng của họ. Giả sử người Chăm vẫn còn sống

ở khu vực gần tháp, những sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng của họ vẫn được duy trì trong tháp thì tình hình trên sẽ không xảy ra. Vì vậy ở đây không có sự xung đột văn hóa, không có sự loại trừ văn hóa này đối với văn hóa khác bởi cư dân bản địa. Đường như đây là một sự bù đắp cho những thiếu hụt văn hóa diễn ra một cách tự phát trong đời sống thường nhật. Hiện tượng trên cũng chứng tỏ sự tôn sùng của người dân bản địa đối với tháp Chăm. Họ không muốn phá huỷ nó mà muốn duy trì sức sống lâu bền của nó bằng cách thổi vào đó một sự linh thiêng có nguồn gốc bản địa. Sự chiếm lĩnh thiết chế này thể hiện tính tích cực của người dân địa phương trong quá trình giao lưu văn hóa với Chăm Pa.

Sự xâm thực văn hóa đối với tháp Yang Prong không chỉ dừng lại ở sự thờ cúng của người dân bản địa mà còn tiếp tục diễn ra bởi người Kinh (Việt) di cư từ nhiều vùng miền của đất nước đến các khu định cư gần tháp. Năm 1977, lâm trường Rừng Xanh được thành lập, nhiều công nhân từ các vùng xuôi lên lập nghiệp, đến nay, con cháu họ đã mấy đời trở thành cư dân ở đây. Những cuộc di cư lẻ tẻ của người Kinh đến nơi đây cũng đã diễn ra trong suốt hơn 30 năm qua.

Hiện nay đến tháp, chúng ta được chứng kiến sự thành tâm cầu nguyện của người Kinh trước tháp Yang Prong. Nhiều bát hương được đặt tùy tiện ở cạnh tháp và trên những tảng đá trước cửa tháp, chỉ có người Kinh mới thắp hương khi lễ bái, điều này không giống với các cư dân bản địa. Người Kinh cũng nhận thức được sự linh thiêng của thần chủ trong tháp. Họ đến cầu nguyện như đối với các đền, miếu dưới xuôi (cầu tài, cầu lộc, cầu con cái, cầu tai qua nạn khỏi, cầu sức khỏe, cầu danh vị v.v...). Người Kinh mang tín ngưỡng đa thần. Đặc điểm của người Kinh là mang tính cởi mở về văn hóa. Họ không áp đặt vị thần chủ của mình vào thiết chế dân tộc khác mà chấp nhận vị thần sẵn có trong thiết chế đó và coi như vị thần của chính mình. Người Kinh không sáng tạo ra một truyền thuyết mới nhằm giải thích nguồn gốc vị thần trong tháp Yang Prong theo quan niệm của mình có thể vì họ đến định cư muộn, thời gian sinh sống chưa đủ để tạo nên bề dày của một lớp văn hóa mới. Tuy nhiên, hình thức phụng thờ ở tháp (với những bát hương và chân hương) rõ ràng đã mang bản sắc Việt. Chúng tôi gọi đây là sự xâm thực văn hóa lần thứ hai. Sự xâm thực lần thứ nhất không làm thay đổi hình hài của tháp nhưng sự xâm thực lần thứ hai bắt đầu làm cho tháp có những dấu hiệu thay đổi bên ngoài. Ở đây, ta thấy rất rõ sự thận trọng của người Kinh khi tiếp cận văn hóa Chăm. Họ không đặt bát hương trong lòng tháp vì còn e dè đối với sự chấp nhận của thần chủ. Sự tôn vinh thần chủ (cũ) là nguyên nhân của thái độ này. Như vậy, ở đây cũng không có sự xung đột văn hóa. Tuy nhiên tính chất của sự xâm thực lần này (của người Kinh) không giống với lần trước (của cư dân bản địa) bởi họ chỉ đến cầu nguyện theo cách thức của mình. Nhưng sự thay đổi của hình thức cầu nguyện cũng rất quan trọng. Sự hiện hữu của nhiều bát hương, lâu ngày sẽ dần dần

biến tháp Chăm thành ngôi đền thờ Việt. Điều này tất yếu sẽ xảy ra nếu không có sự ngăn cản của những người làm công tác quản lý di tích.

3. Những vấn đề lý luận rút ra từ thực tế trên về sự xâm thực văn hóa

Khái niệm xâm thực văn hóa dễ làm người ta nhầm lẫn với xâm lăng văn hóa hay sự đồng hóa về văn hóa. Xâm lăng (hay xâm lược) văn hóa thường gắn liền với ý đồ chính trị của một quốc gia này đối với một quốc gia khác (hoặc của một tộc người này đối với một tộc người khác). Đó là sự áp đặt văn hóa (hay cưỡng bức văn hóa) của một quốc gia (tộc người) mạnh đối với một quốc gia (tộc người) yếu về tiềm lực kinh tế hay quân sự. Sự tiếp nhận văn hóa trong trường hợp này trở thành bắt buộc và vì thế thường nảy sinh sự xung đột văn hóa. Những dân tộc yếu thường phải chống đỡ rất vất vả với làn sóng xâm lăng văn hóa này để bảo vệ bản sắc văn hóa của mình.

Xâm thực văn hóa không phải như vậy. Đó là một biểu hiện của quá trình giao lưu văn hóa tự nhiên. Như vậy giao lưu văn hóa tự nhiên không chỉ đơn thuần là sự trao đổi văn hóa giữa hai hay nhiều quốc gia, dân tộc phần lớn thông qua quá trình truyền bá và tiếp nhận. Biểu hiện của giao lưu văn hóa tự nhiên, trong những trường hợp cụ thể cũng hết sức phức tạp. Xâm thực văn hóa chỉ là một trong những biểu hiện phức tạp đó. Về cơ bản, xâm thực văn hóa có thể định nghĩa như sau:

Xâm thực văn hóa là sự chiếm lĩnh trên cơ sở tôn trọng một thực thể văn hóa của dân tộc khác bằng cách dùng văn hóa của cư dân sở tại để bù đắp những thiếu hụt của thực thể văn hóa ấy, làm cho nó hồi sinh hoặc tiếp thêm cho nó một sức sống lâu bền.

Có thể hiểu định nghĩa này theo một số nội dung dưới đây:

- *Là sự chiếm lĩnh một thực thể văn hóa của dân tộc khác*: Sự chiếm lĩnh không hiểu theo nghĩa tước đoạt hay chiếm đoạt mà hiểu theo nghĩa là một quá trình tiếp cận dần dần để cư dân sở tại phủ một lớp văn hóa của dân tộc mình lên một thực thể văn hóa của dân tộc khác. Quá trình này diễn ra một cách chậm chạp, tự nhiên và tự phát, không theo một sự chỉ đạo nào từ phía tổ chức hoặc cá nhân, nghĩa là không xuất phát từ một ý đồ chiếm lĩnh ban đầu. Đối với tháp Yang Prong, người dân sở tại đã tiếp cận tháp trong một thời gian rất lâu dài, bắt đầu từ sự giải thích nguồn gốc hình thành tháp bằng huyền thoại, sau đó là sự thờ cúng bằng tín ngưỡng dân gian của mình. Ngay cả cư dân người Kinh cho đến nay cũng chỉ mới tiếp cận phía ngoài tháp, chưa “chiếm lĩnh” được phần bên trong tháp.

- *Sự chiếm lĩnh diễn ra trên cơ sở tôn trọng thực thể văn hóa của dân tộc khác*: Đây là điều quan trọng nhất trong quá trình xâm thực văn hóa. Nói như vậy có nghĩa rằng sự chiếm lĩnh không dẫn đến tình trạng xoá bỏ hoặc phá huỷ thực thể văn hóa của dân tộc khác để thay thế bằng cái của mình. Sự tôn trọng chính là nhằm bảo tồn thực thể văn hóa của dân tộc khác một cách hữu hiệu và cũng là chấp nhận một sự tồn tại đa văn hóa. Một dân tộc biết chấp nhận sự tồn tại đa văn hóa là một dân tộc thông minh, biết tiếp nhận văn hóa từ bên ngoài để làm giàu cho văn hóa dân tộc mình. Tháp Yang Prong được bảo vệ gần như tuyệt đối và có hiệu quả cao bằng những huyền thoại về sự linh thiêng của Thần Lớn. Không ai dám đến lấy một viên gạch hay đá hoặc chặt cây, ngay cả trong khu vực gần tháp, vì sợ sự trừng phạt của Thần. Đó là sự tôn trọng bằng tâm linh (sự sùng bái, suy tôn).

- *Dùng văn hóa của cư dân sở tại để bù đắp những thiếu hụt của thực thể văn hóa ấy*: Đây là điều kiện của sự xâm thực văn hóa. Điều kiện thứ nhất: Thực thể văn hóa của dân tộc khác phải đang tồn tại trên địa bàn cư trú của cư dân sở tại. Điều kiện thứ hai: Phải có sự thiếu hụt của thực thể văn hóa của dân tộc khác về một phương diện nào đó. Nếu thiếu hai điều kiện này thì sự xâm thực văn hóa sẽ không xảy ra. Đối với tháp Yang Prong, sự thiếu hụt của thực thể văn hóa là vị thần chủ gốc không được duy trì bằng thờ tự, lâu dần bị lãng quên. Người dân sở tại phải bù đắp bằng vốn kiến thức và sự sáng tạo của chính mình.

- *Làm cho thực thể văn hóa đó hồi sinh hoặc được tiếp thêm một sức sống lâu bền*: Đây chính là vai trò và tác dụng tích cực của sự xâm thực văn hóa. Tháp Yang Prong sẽ trở thành phế tích hoàn toàn và bị lãng quên, thậm chí đã bị phá huỷ nếu không có sự xâm thực văn hóa diễn ra hàng trăm năm nay bởi các dân tộc Gia Rai, Ê Đê, Mnông và sau này là dân tộc Kinh. Nếu không thực hiện được vai trò và tác dụng tích cực này, sự chiếm lĩnh một thực thể văn hóa không thể gọi là xâm thực mà là một biểu hiện suy đồi của giao lưu văn hóa.

Nhìn chung, sự xâm thực văn hóa là một biểu hiện đặc biệt nhưng là biểu hiện tích cực của giao lưu văn hóa giữa các quốc gia (dân tộc). Nó diễn ra như một quy luật. Việc bảo tồn một di tích văn hóa cổ như tháp Yang Prong của người Chăm, chúng ta cần tính đến quy luật này. Nếu loại bỏ nó (sự xâm thực văn hóa), tháp Yang Prong sẽ mất đi sức sống tinh thần, chỉ còn đơn thuần là một phế tích, có thể dùng cho khách du lịch chiêm ngưỡng nhưng không còn ý nghĩa đối với cư dân địa phương nữa.

Hiện nay, tháp Yang Prong đang được ngành văn hóa tỉnh Đắk Lắk xây dựng đề án cho việc trùng tu, tôn tạo. Trong tương lai, tháp sẽ trở thành điểm đến du lịch hấp dẫn trong tuyến du lịch cùng với Bản Đôn và trở thành một trung tâm sinh hoạt

văn hóa thường xuyên của các dân tộc Gia Rai, Ê Đê, Mnông và Kinh. Quá trình xâm thực văn hóa vẫn tiếp tục diễn ra với niềm tin tâm linh của người dân. Trong việc phát huy những mặt tích cực và đẩy lùi những biểu hiện tiêu cực của sự xâm thực này, các nhà quản lý văn hóa của địa phương nên có những hướng dẫn cụ thể về việc thờ tự để không làm biến dạng vẻ đẹp bên ngoài của tháp.

T.Đ.N

Tài liệu tham khảo

1. Bảo tàng tỉnh Đắk Lắk, *Lý lịch di tích kiến trúc tôn giáo Chăm- tháp Yang Prong xã Ea Rok huyện Ea Sup* (bản đánh máy chữ), 1990.
2. Nhiều tác giả, *Đại cương về các dân tộc Ê Đê, Mnông ở Đắk Lắk*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1982.
3. Nguyễn Thanh Phước, *Dấu tích người Chăm cổ mới phát hiện ở huyện Krông Bông*, Thông tin Khoa học kỹ thuật (của Ủy ban KHKT tỉnh Đắk Lắk), tháng 3- 1989.